

TỜ TRÌNH

V/v: **Sửa đổi và Bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng.Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần SEAREFICO (“Công ty”);
- Xét nhu cầu thực tế của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần SEAREFICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty nhằm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, tăng cường hiệu quả quản trị và hoạt động kinh doanh của Công ty, đáp ứng nhu cầu phát triển chiến lược và tiệm cận các thông lệ quản trị tốt trên thế giới, các điểm sửa đổi, bổ sung bao gồm:

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
1	Không có	<p>“Chi nhánh” là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của Công ty.</p> <p>“Văn phòng đại diện” là đơn vị phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty và bảo vệ các lợi ích đó.</p> <p>“Đại diện theo ủy quyền” là người được cổ đông ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.</p> <p>“Quy chế Quản trị Công ty” là quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định các vấn đề về quản trị, điều hành Công ty phù hợp với quy định của</p>	Bổ sung thêm các định nghĩa để làm rõ các từ ngữ được sử dụng trong Điều lệ

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
		pháp luật và Điều lệ của Công ty tại từng thời điểm. “Người nội bộ” là các cá nhân được định nghĩa theo khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán	
2	Điểm m Điều 1: “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, và các cá nhân khác giữ chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điểm m Điều 1: “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm.	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
3	Khoản 2 Điều 1: Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, hoặc văn bản thay thế chúng.	Khoản 2 Điều 1: Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.	Bổ sung để nội dung quy định được rõ ràng hơn
4	Chưa có	Bổ sung chức danh “Giám đốc phát triển kinh doanh” vào định nghĩa Người điều hành doanh nghiệp.	Phù hợp với Sơ đồ tổ chức đã điều chỉnh, ban hành ngày 30/10/2024 của Công ty.
5	Tổng Giám đốc điều hành/ Phó Tổng giám đốc điều hành	Tổng giám đốc/ Phó tổng giám đốc	Điều chỉnh để phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính (“Điều lệ mẫu”) và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
			nghiệp hiện hành của Công ty.
6	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO - Tên tiếng Anh : SEAREFICO CORPORATION - Tên giao dịch: SEAREFICO CORP	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO - Tên tiếng Anh : SEAREFICO CORPORATION - Tên viết tắt: SEAREFICO CORP	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp và thông tin trong Giấy chứng nhận ĐKDN của Công ty.
7	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Điều chỉnh để phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu.
8	Khoản 2 Điều 5: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được ĐHĐCĐ thông qua	Khoản 2 Điều 5: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật không cấm và được ĐHĐCĐ thông qua	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp.
9	Điều 8: Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Điều 8: Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	Bổ sung nội dung để làm rõ quy định
10	Khoản 4 Điều 10: Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, hoặc thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của	Khoản 4 Điều 10: Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, hoặc thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.	Bổ sung nội dung về xử lý cổ phiếu trong trường hợp NLD chấm dứt HĐLĐ trước



TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	pháp luật.	Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn hạn chế chuyển nhượng, việc xử lý số cổ phiếu đã được phân phối sẽ tuân theo quy định của chương trình và quyết định của Hội đồng quản trị.	thời hạn hạn chế chuyển nhượng
11	Điểm e, Khoản 2 Điều 12: Quyền của cổ đông: Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình .	Điểm e, Khoản 2 Điều 12: Quyền của cổ đông: Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của cổ đông đó .	Sửa đổi để làm rõ nội dung
12	Điểm f, Khoản 2 Điều 12: Quyền của cổ đông: Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.	Không có	Bỏ quy định này vì Luật Doanh nghiệp không quy định.
13	Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông: Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:	Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông: Cổ đông có các nghĩa vụ sau:	Sửa đổi để phù hợp với Điều 119 Luật Doanh nghiệp
14	Điểm b, Khoản 3 Điều 14: Đại hội đồng cổ đông: báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất đi một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.	Không có	Bỏ quy định này bởi nội dung này được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Phụ lục 01 Thông tư 95/2017/TT-BTC và nội dung này đã bị thay thế bởi khoản 3 Điều 14 Phụ lục 01 Thông tư 116/2020/TT-

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
			BTC
15	<p>Khoản 4 Điều 14 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này.</p> <p>Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại Khoản 4 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, và có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Khoản 4 Điều 14 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này.</p> <p>Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 nêu trên, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Sửa đổi để làm rõ nội dung</p> <p>Bỏ nội dung này vì không phù hợp với thực tế, cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ giám sát thông qua nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại khoản 6 Điều 15 Nghị định 01/2021/NĐ-CP</p>

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
16	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>c. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>d. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Quyết định việc ký kết hợp đồng giữa Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>d. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>g. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>h. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với quy định trong Luật Doanh nghiệp</p> <p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 Phụ lục 01 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	<p>ty được ghi trong Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất, hoặc hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản với cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó với giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;</p> <p>g. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>h. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>i. Thông qua báo cáo tài chính năm và định hướng phát triển Công ty;</p> <p>j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>m. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>n. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>o. Ngân sách hoặc tổng mức thù</p>	<p>định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>i. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>j. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>k. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>n. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>q. Ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p> <p>r. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>t. Các cổ đông, người đại diện theo ủy</p>	

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	<p>lao, thương và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>1. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p>quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	
17	<p>Khoản 1 Điều 16: Đại diện theo ủy quyền: Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 16 Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
18	Khoản 1 Điều 17: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Điều 17. Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Đề xuất bỏ nội dung này để phù hợp với Điều 17 Điều lệ mẫu. Mặc khác nếu loại cổ phần ưu đãi được đề cập trong điều khoản này là cổ phần không có quyền biểu quyết, thì yêu cầu "65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi" sẽ không hợp lý.
	Không có	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Bổ sung để làm rõ quy định tại Điều 18 theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp
19	Khoản 2 Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp	Khoản 2 Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ	Bỏ nội dung này vì trên thực tế kết quả kiểm phiếu được

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	<p>cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành Nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Kết quả kiểm phiếu được Chủ của tọa hoặc người được chủ tọa ủy quyền/giao quyền công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>đồng hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành Nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ của tọa hoặc người được chủ tọa ủy quyền/giao quyền công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>công bố trước khi bế mạc cuộc họp và theo quy định tại Khoản 5 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p>
20	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành:</p>	<p>Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật</p>

ng

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	<p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất; hoặc</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các Nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 5 Điều này.</p>	<p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất; hoặc</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 5 Điều này.</p>	<p>Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022</p>
21	<p>Khoản 3 Điều 21: Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống</p>	<p>Khoản 3 Điều 21: 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số</p>	<p>Bổ sung để làm rõ quy định.</p> <p>Bỏ quy định này để phù hợp với quy định tại Điều 148.3 Luật Doanh nghiệp và phù hợp với Điều 12.3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p>



TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	<p>thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p> <p>Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều này.</p>	<p>phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.</p>	
22	<p>Khoản 6 Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Khoản 6 Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>



TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
27	Điểm b, Khoản 4 Điều 28 Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn: Thành lập, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể các Công ty con của Công ty;	Điểm b, Khoản 4 Điều 28 Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn: Thành lập, sáp nhập, tổ chức lại và giải thể các Công ty con của Công ty;	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 4.31 Luật Doanh nghiệp
28	Khoản 2 Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.	Khoản 2 Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung theo quy định tại Điều 163.3 Luật Doanh nghiệp
29	Khoản 3 Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 3 Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty, Báo cáo tài chính năm, Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều 175.1 Luật Doanh nghiệp
30	Khoản 15 Điều 32 Cuộc họp HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập	Khoản 15 Điều 32 Cuộc họp HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và	Bổ sung làm rõ nội dung về Biên bản họp HĐQT.

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	<p>bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài, có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự mâu thuẫn về nội dung, thì nội dung bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Biên bản phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, và có đủ chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, hoặc các thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp nếu chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản.</p>	<p>có thể lập bằng tiếng nước ngoài, có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự mâu thuẫn về nội dung, thì nội dung bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp, và có đủ chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	
31	<p>Khoản 3 Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các giao dịch giữa Công ty, Công ty con,</p>	<p>Khoản 3 Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, công ty khác do Công ty nắm</p>	<p>Bổ sung quy định về công bố thông tin kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính.</p>



TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
	công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.	quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
32	Khoản 1 Điều 44: Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Khoản 1 Điều 44: Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	Sửa đổi để phù hợp với các quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;
33	Khoản 4 Điều 44: Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Khoản 4 Điều 44: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế công bố thông tin phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC

TT	Nội dung trước điều chỉnh	Nội dung sau điều chỉnh	Mục đích điều chỉnh
34	Không có	Khoản 1 Điều 56: Chấm dứt hoạt động: b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành.	Bổ sung để làm rõ quy định.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua, đồng thời cho phép Hội đồng Quản trị điều chỉnh câu chữ, chính tả, cấu trúc và hình thức của các Điều khoản trong Điều lệ sao cho rõ ràng, minh bạch và chính xác hơn, nhưng không làm thay đổi nội dung và ý nghĩa của các Điều khoản đã được quy định trong bản Điều lệ trước đó.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT/VT;
- Công bố thông tin.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



LÊ TẤN PHƯỚC

Handwritten signature